

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K; Trụ sở: Số 191 B, phường L, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dư Văn G, bà Hoàng Thị Minh P, bà Trần Trọng H.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Quý Đ; Sinh năm 1962; HKTT và nơi ở: Số nhà 22A ngách 285/53 phố Đ, phường L, quận B, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H; Sinh năm 1981; Trú tại: Số nhà 16 Ngõ 17 phố N, phường L, quận H, thành phố H.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ông Nguyễn Quý Đ xác nhận đã ký kết 05 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần K gồm: Hợp đồng tín dụng số TTC201959742168/HĐTD ngày 17/01/2019; Hợp đồng tín dụng số TTC201959743240/HĐTD ngày 18/01/2019; Hợp đồng tín dụng số TTC201959741206/HĐTD ngày 18/01/2019; Hợp đồng tín dụng số TTC201959741687/HĐTD ngày 21/01/2019 và Hợp đồng tín dụng số TTC201959714726/HĐTD ngày 21/01/2019.

- Ông Nguyễn Quý Đ xác nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/7/2022 là: **4.769.330.949 đồng**. Bao gồm nợ gốc là 4.129.225.954 đồng; Nợ lãi là 472.045.310 đồng trong đó lãi trong hạn là 442.992.254 đồng, Lãi quá hạn là 29.053.056 đồng; Lãi phạt chậm trả là 22.190.785 đồng; Nợ thẻ tín dụng là: 145.868.900 đồng và các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn trong các hợp đồng tín dụng đã ký hết kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần K và ông Nguyễn Quý Đ thống nhất phương án trả nợ và thời gian trả nợ như sau :

Chậm nhất ngày 30/8/2022 ông Nguyễn Quý Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo HĐTD số TTC201959741687/HĐTD ngày 21/01/2019 tạm tính đến ngày 20/7/2022 số tiền: **797.387.803 đồng** (Trong đó nợ gốc 715,641,960 đồng, nợ lãi 81,745,843 đồng). Trong trường hợp ông Nguyễn Quý Đ thực hiện đúng cam kết thanh toán theo đúng lộ trình trên thì Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là Căn hộ số 209 Tầng 2 tòa nhà số P02, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (Nay là căn hộ số 0209 tầng 2 tòa nhà S2.02 xã Đ, huyện G, thành phố H). Hợp đồng mua bán căn hộ số P020209/VCOP/HĐMBCH ngày 07/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 500166, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 21095 do Sở tại nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 08/4/2021. Ngân hàng đồng ý miễn số tiền phạt chậm trả là 3.856.450 đồng và toàn bộ lãi phát sinh đối với HĐTD số TTC201959741687/HĐTD kể từ ngày 21/7/2022 đến khi tất toán.

Chậm nhất ngày 30/9/2022 ông Nguyễn Quý Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo HĐTD số TTC201959714726/HĐTD ngày 21/1/2019 tạm tính đến ngày 20/7/2022 số tiền **671.839.710 đồng**, trong đó nợ gốc 602.964.601 đồng, nợ lãi 68.875.109 đồng. Trong trường hợp ông Nguyễn Quý Đ thực hiện đúng cam kết thanh toán theo đúng lộ trình trên thì Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là Căn hộ số 5A01 Tầng 5 tòa nhà số P12, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (Nay là căn hộ số 5A01 tầng 5 tòa nhà S2.12 xã Đ, huyện G, thành phố H), hợp đồng mua bán căn hộ số P125A01/VCOP/HĐMBCH ngày 28/12/2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Ngân hàng đồng ý miễn số tiền phạt chậm trả là 3.249.245 đồng và lãi phát sinh đối với HĐTD số TTC201959714726/HĐTD kể từ ngày 21/7/2022 đến khi tất toán.

Chậm nhất ngày 30/10/2022 ông Nguyễn Quý Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo HĐTD số TTC201959742168/HĐTD ngày 17/1/2019 tạm tính đến ngày 20/7/2022 số tiền **1.213.753.370 đồng** (Trong đó nợ gốc 1.089.244.286 đồng, nợ lãi 124.509.084 đồng), Trong trường hợp ông Nguyễn Quý Đ thực hiện đúng cam kết thanh toán theo đúng lộ trình trên thì Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là Căn hộ số 221 Tầng 2 tòa nhà số P05, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (Nay là căn hộ số 0221 tầng 2 tòa nhà S2.05 xã Đ, huyện G, thành phố H), hợp đồng mua bán căn hộ số P050221/VCOP/HĐMBCH ngày 08/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Ngân hàng đồng ý miễn số tiền phạt chậm trả là 5.854.682 đồng và lãi phát sinh đối với HĐTD số TTC201959742168/HĐTD kể từ ngày 21/7/2022 đến khi tất toán.

Chậm nhất ngày 30/11/2022 ông Nguyễn Quý Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo HĐTD số TTC201959743240/HĐTD ngày 18/1/2019 tạm tính đến ngày 20/7/2022 số tiền: **717.492.457 đồng** (Trong đó nợ gốc 643.939.883 đồng, nợ lãi 73.552.574 đồng). Trong trường hợp ông Nguyễn Quý Đ thực hiện đúng cam kết thanh toán theo đúng lộ trình trên thì Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là Căn hộ số 1622 Tầng 16 tòa nhà số P07, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (Nay là căn hộ số 1622 tầng 16 tòa nhà S2.07 xã Đ, huyện G, thành phố H), hợp đồng mua bán căn hộ số P071622/VCOP/HĐMBCH ngày 08/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Ngân hàng đồng ý miễn số tiền phạt chậm trả là 3.470.055 đồng và lãi phát sinh đối với HĐTD số TTC201959743240/HĐTD kể từ ngày 21/7/2022 đến khi tất toán.

Chậm nhất ngày 30/12/2022 ông Nguyễn Quý Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo HĐTD số TTC201959741206/HĐTD ngày 18/1/2019 tạm tính đến ngày 20/7/2022 số tiền **1.200.797.924 đồng** (Trong đó nợ gốc 1,077,435,224 đồng, nợ lãi 123.362.700 đồng) và 145.868.900 đồng nợ thẻ tín dụng. Trong trường hợp ông Nguyễn Quý Đ thực hiện đúng cam kết thanh toán theo đúng lộ trình trên thì Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là Căn hộ số 319 Tầng 3 tòa nhà số P19, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (Nay là căn hộ số 0319 tầng 3 tòa nhà S2.19 xã Đ, huyện G, thành phố H), hợp đồng mua bán căn hộ số P190319/VCOP/HĐMBCH ngày 08/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 500223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14861 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/3/2021. Ngân hàng đồng ý miễn số tiền phạt chậm trả là 5.760.353 đồng và lãi phát sinh đối với HĐTD số TTC201959741206/HĐTD kể từ ngày 21/7/2022 đến khi tất toán.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Quý Đ vi phạm bất kỳ 1 kỳ trả nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán (Cả về số tiền và thời hạn) thì thỏa thuận về việc giải chấp tài sản và miễn giảm lãi nêu trên không còn hiệu lực. Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm chưa giải chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông Nguyễn Quý Đ với Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Tài sản bảo đảm là:

Căn hộ số 209 Tầng 2 tòa nhà số P02, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (Nay là căn hộ số 0209 tầng 2 tòa nhà S2.02 xã Đ, huyện G, thành phố H). Hợp đồng mua bán căn hộ số P020209/VCOP/HĐMBCH ngày 07/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 500166, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 21095 do Sở tại nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 08/4/2021.

Căn hộ số 5A01 Tầng 5 tòa nhà số P12, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (nay là căn hộ số 5A01 tầng 5 tòa nhà S2.12 xã Đ, huyện G, thành phố H). Hợp đồng mua bán căn hộ số P125A01/VCOP/HĐMBCH ngày 28/12/2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G.

Căn hộ số 221 Tầng 2 tòa nhà số P05, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (nay là căn hộ số 0221 tầng 2 tòa nhà S2.05 xã Đ, huyện G, thành phố H). Hợp đồng mua bán căn hộ số P050221/VCOP/HĐMBCH ngày 08/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G.

Căn hộ số 1622 Tầng 16 tòa nhà số P07, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (nay là căn hộ số 1622 tầng 16 tòa nhà S2.07 xã Đ, huyện G, thành phố H). Hợp đồng mua bán căn hộ số P071622/VCOP/HĐMBCH ngày 08/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G.

Căn hộ số 319 Tầng 3 tòa nhà số P19, địa chỉ tại T, các xã D, K, Đ huyện G, TP H (nay là căn hộ số 0319 tầng 3 tòa nhà S2.19 xã Đ, huyện G, thành phố H). Hợp đồng mua bán căn hộ số P190319/VCOP/HĐMBCH ngày 08/01/2019 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô Thị G. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 500223, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14861 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/3/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Quý Đ đối với Ngân hàng TMCP K.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Quý Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm còn thừa sau khi thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP K phải trả lại cho ông Nguyễn Quý Đ.

Về án phí:

Ông Nguyễn Quý Đ phải chịu toàn bộ án phí hòa giải thành dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Quý Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Quý Đ không phải chịu án phí hòa giải thành dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền: 56.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0068402 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Đinh Ngọc Liên**